

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Nhân

2. Bà Trương Thị Hiệp

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 361/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 373/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 462/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đội, thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

* *Bị đơn:* Anh Dương Hoài V, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Kim C trình bày:* Chị và anh Dương Hoài V có thời gian tìm hiểu 1 năm và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà

cha mẹ chồng ở phường Đ, vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian ngắn, đến tháng 8 năm 2019 thì anh V chơi cò bạc nợ nần và có tình cảm với người phụ nữ khác nên chị bất mãn bỏ về sống tại nhà mẹ ruột ở xã N. Khi chị về nhà mẹ ruột thì anh V có đến thuyết phục chị về chung sống nhưng chị không đồng ý, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Đến tháng 6 năm 2021 thông qua bạn bè chị phát hiện trong 02 năm qua anh V vẫn còn qua lại với người phụ nữ đó nên chị quyết định nộp đơn ly hôn. Khi chị thông báo về việc nộp đơn ly hôn thì anh V nói muốn làm gì làm chứ không đến Tòa án; chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Dương Hoài V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Dương Hoài Bảo T1 sinh ngày 16/11/2019 hiện đang sống với chị, ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu T1, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải cho anh Dương Hoài V nhưng anh V không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim C đối với anh Dương Hoài V.
2. Về con chung: Giao cháu Dương Hoài Bảo T1 sinh ngày 16/11/2019 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét
4. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Dương Hoài V được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý

do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C, anh V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim C và anh Dương Hoài V xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được UBND phường Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, giữa chị C và anh V phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị C bỏ về nhà mẹ ruột sống từ tháng 8 năm 2019, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và nhiều lần thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Dương Hoài V đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu của mình và tham gia hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Dương Hoài V không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến yêu cầu và cũng không tham gia hòa giải do Tòa án tiến hành. Điều này chứng tỏ anh V không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị C. Như vậy hôn nhân giữa chị C và anh V đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim C đối với anh Dương Hoài V.

[2.2] Về con chung: Chị C xác định vợ chồng có 01 người con tên Dương Hoài Bảo T1 sinh ngày 16/11/2019 hiện đang sống với chị C, ly hôn chị C yêu cầu nuôi cháu T1. Mặc dù không có lời khai của anh V nhưng qua các chứng cứ do chị C cung cấp và qua xác minh cha của anh V là ông Dương Thanh T2 xác nhận vợ chồng chị C, anh V có 01 người con đúng như chị C đã trình bày. Xét yêu cầu của chị C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ lúc vợ chồng mâu thuẫn sống ly thân chị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo T1, hơn nữa tính đến ngày xét xử, cháu Bảo T1 chỉ hơn 02 tuổi, cháu vẫn còn nhỏ và rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị C giao cháu Dương Hoài Bảo T1 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành; chị C không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị C phải chịu 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004871 ngày 25/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của

Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim C được ly hôn với anh anh Dương Hoài V.

2- Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao người con tên Dương Hoài Bảo T1 sinh ngày 16/11/2019 cho chị Trần Thị Kim C tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu giải quyết.

4- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim C phải chịu 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004871 ngày 25/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND phường Đ
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ